

Số: /BC-SYT

Đắk Lắk, ngày

tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO NHANH

Tình hình phòng, chống dịch COVID-19

trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ngày 24/02/2022

(Từ 17h00 ngày 23/02/2022 đến 17h00 ngày 24/02/2022)

I. THÔNG TIN TÌNH HÌNH DỊCH

1. Tình hình ca mắc mới trong ngày

TT	Địa phương	Ca mới	Nơi phát hiện					Tích lũy ca mắc	DTTS	Xuất viện	Tử vong
			Cộng đồng	CL tại nhà	Khu cách ly	Khu PT	Sàng lọc				
1	TP.BMT	958	919	39	0	0	0	9329	2079	4947	36
2	H. Lắk	63	17	46	0	0	0	1554	1199	1044	5
3	H. Krông Bông	72	37	34	0	0	1	871	403	502	2
4	H. Krông Buk	26	4	17	1	0	4	1465	1107	1238	8
5	H. Ea H'Leo	87	61	23	1	0	2	1184	374	786	2
6	H. Krông Pắc	115	104	9	0	0	2	1557	387	930	7
7	H. Krông Ana	48	23	25	0	0	0	1412	708	1085	4
8	H. Cư M'Gar	122	83	39	0	0	0	2631	1320	1978	10
9	H. Ea Súp	41	39	1	0	0	1	707	220	496	1
10	H. M'Đrăk	44	10	31	2	0	1	842	498	645	0
11	H. Krông Năng	49	35	14	0	0	0	788	293	459	5
12	H. Ea Kar	118	77	41	0	0	0	1563	486	949	3
13	H. Buôn Đôn	54	46	8	0	0	0	676	197	382	1
14	H. Cư Kuin	66	36	27	0	0	3	1401	643	1121	10
15	TX. Buôn Hồ	51	15	36	0	0	0	1914	735	1420	17
	TỔNG	1914	1506	390	4	0	14	27894	10649	17982	111

- Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã ghi nhận **27.894** trường hợp mắc COVID-19, trong đó có **17.982** trường hợp xuất viện, **111** trường hợp tử vong (04 trường hợp tử vong trong ngày), hiện còn điều trị **9.801** trường hợp.

- Tỷ lệ DTTS mắc COVID-19 trên toàn tỉnh chiếm **38,2%** số ca mắc

- Tỷ lệ mắc/100.000 dân trung bình của toàn tỉnh là **1492,2/100.000** dân

- Toàn tỉnh có **5.878** tổ COVID cộng đồng đang hoạt động.

2. Tình hình cách ly, phong tỏa

a) Tình hình cách ly tập trung, cách ly tại nhà:

TT	Địa phương	Số trường hợp cách ly tập trung			Số trường hợp cách ly tại nhà		
		Mới	Tích lũy	Còn cách ly*	Mới	Tích lũy	Còn cách ly*
1	Tuyên tỉnh	0	74	0			
2	TP.BMT	0	243	0	958	7002	3886
3	TX. Buôn Hồ	0	108	0	40	4262	716
4	H. Ea H'Leo	0	16	0	42	2018	153
5	H.Krông Năng	0	0	0	68	1883	426
6	H. Cư M'Gar	0	846	6	208	4523	425
7	H. M'Đrăk	25	720	41	18	4002	101
8	H. Ea Kar	0	830	0	147	5236	775
9	H. Krông Pắc	16	105	0	198	3679	1611
10	H. Krông Bông	0	58	0	171	9020	866
11	H. Krông Ana	0	17	0	160	1160	523
12	H. Cư Kuin	0	0	0	61	1963	312
13	H. Lắk	7	551	7	125	1354	46
14	H. Buôn Đôn	7	244	52	154	3262	1082
15	H. Ea Sup	0	0	0	32	3493	320
16	H. Krông Buk	0	0	0	324	1824	459
	TỔNG	55	3812	106	2706	54681	11701

B) Số lượng công dân từ vùng dịch trở về huyện/TX/TP (từ 01/01/2022)

TT	Địa phương	Số người hôm qua	Số người hôm nay	Cộng dồn
1	TP.BMT	0	0	3232
2	TX. Buôn Hồ	4	3	5470
3	H. Ea H'Leo	3	1	4487
4	H. Krông Năng	76	68	2064
5	H. Cư M'Gar	0	0	4389
6	H. M'Đrăk	0	0	1527
7	H. Ea Kar	-	32	11473
8	H. Krông Pắc	378	395	27341
9	H. Krông Bông	0	0	5608
10	H. Krông Ana	0	0	280
11	H. Cư Kuin	0	0	614
12	H. Lắk	0	0	648
13	H. Buôn Đôn	0	0	2137
14	H. Ea Sup	0	0	515
15	H. Krông Buk	-	0	85
	TỔNG	461	499	69870

3. Tình hình lấy mẫu xét nghiệm

TT	Địa phương	Test nhanh kháng nguyên				Xét nghiệm RT-PCR				
		Trong ngày		Tổng		Trong ngày		Tổng		Chờ kết quả
		Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	
1	CDC*	300	15	3123	34	135	1	804	31	0
2	TP.BMT	1708	958	18643	5978	0	0	21	16	0
3	TX. Buôn Hồ	99	51	4716	567	0	0	5	0	0
4	H. EaH'Leo	81	9	13721	569	0	0	0	0	0
5	H.Krông Năng	121	98	3215	850	0	0	0	0	0
6	H. Cư M'Gar	500	46	9572	1167	0	0	1	1	0
7	H. M'Đrăk	137	44	12893	683	0	0	0	0	0
8	H. Ea Kar	206	155	9566	1187	0	0	0	0	0
9	H. Krông Pắc	173	98	14501	919	0	0	0	0	0
10	H.Krông Bông	251	71	8055	870	0	0	0	0	0
11	H. Krông Ana	236	48	4054	545	0	0	0	0	0
12	H. Cư Kuin	76	42	1409	436	0	0	3	2	0
13	H. Lắk	96	63	2660	1020	0	0	33	26	0
14	H. Buôn Đôn	379	54	7665	464	0	0	113	6	0
15	H. Ea Sup	41	41	510	510	0	0	37	37	0
16	H. Krông Buk	144	59	1726	515	0	0	0	0	0
	TỔNG	4548	1852	116029	16314	135	1	1017	119	0

4. Hoạt động tiêm vắc xin COVID-19

a) Tổng số vắc xin đã nhận

	Loại vắc xin	Vắc xin nhận	Số mũi tiêm thực hiện	Tỷ lệ (%)
	TỔNG	3.150.498	3.325.007	105,5
1	AstraZeneca	804.950	915.029	113,7
2	Comirnaty	1.163.508	1.228.862	105,6
3	Moderna	121.800	124.201	102,0
4	Sinopharm	1.060.240	1.056.915	99,7

b) Kết quả tiêm vắc xin như sau:

TT	Nhóm đối tượng	Số đối tượng	Mũi 1		Mũi 2		Mũi 3	
			Số tiêm	Tỷ lệ (%)	Số tiêm	Tỷ lệ (%)	Số tiêm	Tỷ lệ (%)
1	18 tuổi trở lên	1.266.098	1.235.128	97,6	1.187.491	93,8	562.347	44,4
2	50 tuổi trở lên	361.984	353.653	97,7	343.536	94,9	90.391	25,0
3	65 tuổi trở lên	103.549	103.001	99,5	97.367	94,0	47.832	46,2
4	PNCT từ 13 tuần tuổi thai	22.934	22.669	98,8	21.612	94,2	4.170	18,2
5	TE 15-17 tuổi	80.616	78.401	97,3	72.392	89,8		
6	TE 12-14 tuổi	105.147	99.564	94,7	89.684	85,3		

5. Công tác điều trị trong ngày

Tổng số bệnh nhân COVID-19: **27.894** trường hợp mắc COVID-19, trong đó có **17.982** trường hợp xuất viện, **111** trường hợp tử vong; hiện còn điều trị **9.801** trường hợp.

a) Tại các cơ sở thu dung điều trị:

TT	Cơ sở điều trị	Số giường bệnh	Số BN của ngày hôm trước	Số BN ngày hôm nay	Trong đó				
					Mới	Chuyển tuyến trên	Chuyển tuyến dưới	Ra viện	Tử vong
1	BV Dã chiến 01	1000	825	762	69	3	1	128	0
2	TTYT Krông Búk	230	237	242	27	0	0	22	0
3	BV khu vực 333	300	290	238	20	0	0	72	0
4	BV Lao và Bệnh Phổi	100	135	129	8	1	0	13	0
5	BVĐK Vùng TN	92	80	83	18	0	6	6	3
	Tổng	1722	1567	1454	142	4	7	241	3

- Phân loại theo mức độ lâm sàng (n = 1.454)

TT	Cơ sở điều trị	Không có biểu hiện lâm sàng	Mức độ nhẹ (VĐHH Cấp)	Mức độ vừa (Viêm phổi)	Mức độ nặng (Viêm phổi nặng)	Mức độ nguy kịch				Hội chứng viêm hệ thống liên quan COVID-19 TE
						ARDS	Nhiễm trùng huyết	Sốc nhiễm trùng	Khác	
1	BV Dã chiến 01	332	430	0	0	0	0	0	0	0
2	TTYT Krông Búk	231	11	0	0	0	0	0	0	0
3	BV khu vực 333	19	206	13	0	0	0	0	0	0
4	BV Lao và Bệnh Phổi	0	0	111	18	0	0	0	0	0
5	BVĐK Vùng TN	13	9	21	36	2	0	0	2	0
	Tổng	595	656	145	54	2	0	0	2	0
	Tỷ lệ %	40.9	45.1	10.0	3.7	0.1	0.0	0.0	0.1	0.0

- Điều trị liên quan đến suy hô hấp (n= 1.454)

TT	Cơ sở điều trị	Bình thường	Thở Oxy	HFNC	Thở máy không xâm nhập	Thở máy xâm nhập	ECMO
1	BV Dã chiến 01	762	0	0	0	0	0
2	TTYT Krông Búk	242	0	0	0	0	0
3	BV khu vực 333	233	5	0	0	0	0
4	BV Lao và Bệnh Phổi	111	18	0	0	0	0
5	BVĐK Vùng TN	59	18	6	0	2	0
	Cộng	1407	41	6	0	2	0
	Tỷ lệ %	96.6	2.8	0.4	0.0	0.1	0.0

b) Điều trị F0 tại nhà: mới **1.192** trường hợp, tích lũy **6.338** trường hợp, 1.610 trường hợp khỏi bệnh, chuyển tuyến 27 trường hợp, hiện còn điều trị 4.701 trường hợp.

	Địa phương	Mới	Tích lũy	Khỏi bệnh	Tích lũy khỏi bệnh	Chuyển tuyến trong ngày	Tích lũy chuyển tuyến	Còn điều trị
1	TP. BMT	863	4678	245	1286	2	22	3370
2	H. Lắk		0		0		0	0
3	H. Krông Bông		0		0		0	0
4	H. Krông Buk		0		0		0	0
5	H. Ea H'leo		79		0		0	79
6	H. Krông Pắc	90	524	17	112	0	0	412
7	H. Krông Ana		0		0		0	0
8	H. Cư M'gar		136		19		0	117
9	H. Ea Sup		0		0		0	0
10	H. M'Drak		0		0		0	0
11	Krông Năng	127	203	27	30	0	0	173
12	H. Ea Kar		0		0		0	0
13	H. Buôn Đôn	66	263	8	114	0	5	144
14	H. Cư Kuin		239		0		0	239
15	Tx Buôn Hồ	46	216	16	49	0	0	167
	Tổng	1192	6338	313	1610	2	27	4701

II. TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ

- Sở Y tế đang điều **204** nhân lực/ tổng **1.614** lượt điều động để phục vụ cho công tác phòng, chống dịch từ các đơn vị sự nghiệp trực thuộc và huy động giảng viên, sinh viên tình nguyện thuộc các cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe tham gia công tác phòng, chống dịch trên địa bàn (*Chi tiết tại phụ lục*).

Trên đây là báo cáo tình hình COVID-19 của Sở Y tế./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- BCĐ PCD COVID-19 tỉnh (báo cáo);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Sở Thông tin và truyền thông;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Các tổ chức TMTH-CMNV Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVYD.

Nay Phi La

Phụ lục: TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ

1) Các đơn vị đã tiếp nhận nhân lực điều động:

TT	Đơn vị tiếp nhận	Chủng loại									Tổng số đang điều động	Tổng số lượt điều động
		Bác sĩ	ĐD/NHS/YS	Kỹ thuật viên	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên. sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác		
1	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	2									2	24
2	Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên								11	1	12	21
3	Bệnh viện Dã chiến số 01 tỉnh Đắk Lắk	18	28	3	6	5	2		3	11	76	259
4	Bệnh viện Dã chiến số 02 tỉnh Đắk Lắk	10	16	3	1	2	1		10	4	47	76
5	Bệnh viện Dã chiến số 03 tỉnh Đắk Lắk											58
6	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh							5			5	36
7	Trung tâm Y tế thành phố Buôn Ma Thuột							10	17		27	618
8	Thành phố Hồ Chí Minh										0	14
9	Trung tâm Y tế thị xã Buôn Hồ	2									2	202
10	Trung tâm Y tế huyện Krông Búk	1	8	8					6		23	75
11	Khu cách ly Ký túc xá Trường ĐH Tây Nguyên										0	44
12	KCL Trường CĐ Công nghệ TN	4	6								10	10
13	Khu cách ly Trường Chính trị										0	21
14	Khu cách ly Dây nhà bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh đối tượng 3										0	2
15	Khu cách ly Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk										0	8
16	KCL Phân hiệu Trường ĐH Luật Hà Nội tại Đắk Lắk										0	8
17	Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên										0	28
18	Trường THPT DTNT N'Trang Long										0	70
19	Trường THCS Hòa Phú										0	40
TỔNG CỘNG		37	58	14	7	7	3	15	47	16	204	1614

2) Nhân lực tham gia điều động

TT	Đơn vị	Chủng loại									Tổng số đang điều động	Tổng số lượt điều động
		Bác sĩ	ĐD/ Nữ hộ sinh/Y sĩ	KTV	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên. sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác		
1	Y tế công lập	35	58	14	7	7	3	0	0	16	140	778
1.1	Sở Y tế	1									1	1
1.2	BVĐK vùng Tây Nguyên	5	1	1	3	1				3	14	83
1.3	BVĐKTP.Buôn Ma Thuột	9	13	1	0	2	1			7	33	94
1.4	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	4		8						1	13	41
1.5	Trung tâm Y tế Buôn Đôn	1	3								4	27
1.6	Bệnh viện Y HCT		2			1					3	82
1.7	Trung tâm Y tế Cư M'gar		4								4	58
1.8	TT Kiểm nghiệm thuốc. mỹ phẩm. thực phẩm				3						3	9
1.9	TTYT huyện Ea Súp	1	1								2	10
1.10	TTYT huyện Lắk	3	5								8	23
1.11	TTYT huyện Krông Pắc										0	9
1.12	TTYT huyện Ea Kar	1	1								2	19
1.13	TTYT huyện Krông Búk										0	1
1.14	Trung tâm Da liễu						1				1	11
1.15	Bệnh viện Mắt Đắk Lắk		1								1	25
1.16	Bệnh viện Tâm thần		4			1					5	18
1.17	TTYT huyện Ea H'leo	1	2								3	46
1.18	TTYT huyện Krông Năng		2								2	28
1.19	TTYT huyện Krông Bông	2	2								4	23
1.20	TTYT huyện M'Drăk		3	1							4	8
1.21	TTYT huyện Krông Ana										0	2
1.22	BVĐK thị xã Buôn Hồ	2	4								6	33
1.23	TTYT huyện Cư Kuin	5	6	3	1	2	1			5	23	47
1.24	TTYT TP Buôn Ma Thuột		4								4	80
2	Bệnh viện tư nhân	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	22
2.1	BVĐK Thiện Hạnh										0	11
2.2	BV Nhi Đức Tâm	2									2	2
2.3	BVĐK Hòa Bình										0	9
3	Y tế tư nhân (Phòng khám đa khoa. Phòng khám chuyên khoa....)										0	0
4	Cán bộ y tế hưu trí										0	0
5	Trường ĐH. CĐ	0	0	0	0	0	0	15	0	0	15	696
5.1	Trường ĐH BMT										0	283
5.2	Trường ĐH Tây Nguyên							15			15	345
5.3	Trường Cao đẳng Y tế										0	68
6	Bệnh viện Bạch Mai										0	9
7	Sở Y tế TP Hồ Chí Minh										0	2
8	Tình nguyện viên								47		47	107
TỔNG CỘNG		37	58	14	7	7	3	15	47	16	204	1614